

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Văn án số: 35/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13/6/2019

V/v Ly hôn giữa bà Th và ông H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Như Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hiền.
2. Ông Trịnh Ngọc Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lư Ngọc Thiên An – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh năm 1986.

* *Bị đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã PN, thành phố BT, Bến Tre.

Bà Th có mặt, ông H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/4/2019, bảng tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Th trình bày: bà và ông Trần Văn H tự nguyện tìm hiểu, cưới nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PN vào năm 2005. Sau khi cưới vợ chồng chung sống rất hạnh phúc. Cách nay khoảng 2 - 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ban đầu là do mẹ ruột của bà cần tiền, có hỏi mượn vợ chồng bà. Sau khi bàn bạc ông H đồng ý thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất của ông H để vay ngân hàng lấy tiền

đưa mẹ ruột của bà mượn. Sau đó, mỗi lần vợ chồng bất hòa thì ông H lấy chuyện mượn tiền để chửi mắng, xúc phạm bà. Cách nay khoảng 01 năm thì mâu thuẫn trầm trọng hơn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông H chửi mắng và đánh đập, bóp cổ bà vô cớ, cả H đã hàn gắn nhiều lần nhưng không mang lại kết quả. Do quá sức chịu đựng nên bà đã dọn ra nhà trọ để ở cùng với con chung tên Chu A từ đầu tháng 4/2019. Nay bà xác định không còn thương chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông H.

- Con chung: có Trần Chu A, sinh ngày 20/10/2004 hiện đang sống với bà và Trần Chí Á, sinh ngày 18/6/2009, hiện đang sống với ông H. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Chu A, đồng ý để cháu Chí Á tiếp tục sống với ông H, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: không có.

Tại bảng tự khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Trần Văn H trình bày: Về thời điểm kết hôn và đăng ký hôn như bà Th trình bày là đúng. Cách nay khoảng H năm ông mắc bệnh viêm màng não mủ và nhiễm trùng máu, bị hôn mê sâu, phải nhập viện Chợ Rẫy điều trị. Sau khi tỉnh lại tính tình ông bị thay đổi thường bức bối không kiểm soát được, ông thừa nhận có đánh vợ, có bóp cổ vợ nhưng chỉ là hù dọa chứ không có tình bóp cổ để giết bà. Ông không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, ông muốn vợ chồng hàn gắn để cùng nhau làm nuôi con.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Th thì ông đồng ý tiếp tục nuôi bé Chí Á, bé Chu A sẽ tiếp tục sống với mẹ, ông không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung : không có.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa và của người tham gia tố tụng là đúng với quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

XÉT THẤY:

[1] Bà Nguyễn Thị Ngọc Th và ông Trần Văn H tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã PN, thành phố BT cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/10/2005 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do ông H cư trú trên địa bàn thành phố BT nên Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre thụ lý giải quyết vụ kiện “Xin ly hôn” nêu trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa, bà Th vẫn giữ nguyên các yêu cầu. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành xác minh tại địa phương về mâu thuẫn vợ chồng

của ông bà nhưng chính quyền địa phương không biết và không có thông tin gì ngoài việc hiện nay bà Th không còn ở chung nhà với ông H. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn giữa bà Th và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Th. Cụ thể là trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, cho ông H thời gian để thể hiện thiện chí mong hàn gắn gia đình nhưng trong thời gian đó ông không có hành động gì thể hiện mong muốn của mình mà còn đến nhà trọ nơi chị Th và bé Chu A đang sống chốt cửa hăm dọa sẽ chết chung cả nhà. Khi tòa án đưa vụ án ra để xét xử thì ông H cố tình vắng mặt, không thể hiện được thiện chí muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: cháu Trần Chu A, sinh ngày 20/10/2004 hiện đang sống với bà Th, cháu Trần Chí Ân, sinh ngày 18/6/2009 hiện đang sống với ông H, nguyện vọng của cháu A và cháu Ân phù hợp với yêu cầu của bà Th và ông H nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ghi nhận việc hai bên cùng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét đến.

Về nợ chung: hai bên cùng khai không có nên không xem xét đến.

[4] Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cùng giấy triệu tập để dự phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

[5] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Th phải nộp theo quy định của Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 51; 56; 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc Th và ông Trần Văn H.

2. Về con chung:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Th được quyền tiếp tục nuôi Trần Chu A, sinh ngày 20/10/2004.

- Ông Trần Văn H được quyền tiếp tục nuôi Trần Chí Ân, sinh ngày 18/6/2009.

- Ghi nhận việc H bên cùng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.
- Bà Th, ông H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Tuy nhiên, vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả H bên có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

- Tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét đến.
- Nợ chung: hai bên cùng KH không có nên không xem xét đến.

4. Về án phí: Án phí xin ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Nguyễn Thị Ngọc Th phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002584 ngày 11/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Bà Nguyễn Thị Ngọc Th đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã PN, TP Bến Tre.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Như Phương